



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG (USCO)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3-4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-19



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch

Ông Nguyễn Vũ Tùng

Chủ tịch

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vũ Tùng

Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Định

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Sang

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Hoàn

Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2011)

Ông Nguyễn Trọng Thoáng

Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2011)

Ông Trần Minh Chí

Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Vũ Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 6 năm 2012



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 29.22/2012/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 7 tháng 6 năm 2012 của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 19 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

- Do chúng tôi được Công ty bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày 31 tháng 12 năm 2011, chúng tôi không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2011. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về sự hiện hữu và giá trị của các khoản mục tiền, hàng tồn kho và tài sản cố định cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- Công ty đã thực hiện công tác đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu, phải trả với các đối tượng liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các Biên bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết cũng như các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để chứng minh cho tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính trình bày của các khoản công nợ phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán, các khoản phải trả khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán (tiếp theo)

- Công ty đã ghi nhận một số khoản doanh thu tiến độ thanh toán, do chúng tôi chưa thu thập được các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo từng giai đoạn nên chưa đánh giá được tính hợp lý của việc ghi nhận các khoản doanh thu này.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của hạn chế trong phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Trương Đức Hân
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0749/KTV
Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**
Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2012

Tạ Thị Hải Ninh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1613/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		209.864.796.735	178.427.349.907
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.527.861.504	18.557.990.791
1. Tiền	111		10.527.861.504	18.557.990.791
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.910.312.334	37.046.609.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	36.910.312.334	37.046.609.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.689.027.835	63.096.073.240
1. Phải thu của khách hàng	131		60.254.668.053	55.300.359.686
2. Trả trước cho người bán	132		8.430.417.782	3.679.603.671
3. Các khoản phải thu khác	135		2.104.075.643	4.116.109.883
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(100.133.643)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	67.573.535.901	43.293.590.071
1. Hàng tồn kho	141		67.573.535.901	43.293.590.071
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.164.059.161	16.433.086.805
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.134.546.171	10.932.800.407
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.470.386	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	10.006.042.604	5.500.286.398
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		22.132.474.581	22.567.264.370
I. Tài sản cố định	220		21.382.474.581	21.817.264.370
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	18.415.289.637	19.568.229.880
- Nguyên giá	222		61.476.563.462	60.992.224.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.061.273.825)	(41.423.994.596)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	2.967.184.944	2.249.034.490
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		750.000.000	750.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	750.000.000	750.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		231.997.271.316	200.994.614.277


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		198.420.376.394	168.079.475.129
I. Nợ ngắn hạn	310		196.455.080.500	166.214.179.235
1. Vay và nợ ngắn hạn ✓	311	V.8	845.978.000	768.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		8.535.537.028	8.985.543.082
3. Người mua trả tiền trước	313		97.612.749.388	74.449.094.428
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	2.825.126.376	2.828.449.710
5. Phải trả người lao động	315		10.697.639.002	10.490.053.539
6. Chi phí phải trả	316	V.10 ✓	34.159.702.914	33.917.073.773
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	38.137.405.796	32.990.599.781
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.640.941.996	1.785.364.922
II. Nợ dài hạn	330		1.965.295.894	1.865.295.894
1. Vay và nợ dài hạn	334		511.050.000	411.050.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.454.245.894	1.454.245.894
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		33.576.894.922	32.915.139.148
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	33.576.894.922	32.915.139.148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.638.217.025	12.638.217.025
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		17.757.571.817	17.414.797.382
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.898.186.587	2.578.636.437
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		282.919.493	283.488.304
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		231.997.271.316	200.994.614.277

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)


Nguyễn Vũ Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 7 tháng 6, năm 2012


Đoàn Đoàn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	136.697.138.959	191.572.332.744
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		136.697.138.959	191.572.332.744
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	127.983.641.544	170.985.184.327
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.713.497.415	20.587.148.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.047.566.381	2.634.969.304
7. Chi phí tài chính	22		3.612.043	3.219.354
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.084.107.837	17.480.224.048
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		3.673.343.916	5.738.674.319
11. Thu nhập khác	31		616.808.729	1.118.626.365
12. Chi phí khác	32		29.483.977	919.552.684
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		587.324.752	199.073.681
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.260.668.668	5.937.748.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	1.056.172.661	1.478.530.750
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		3.204.496.007	4.459.217.250



Nguyễn Vũ Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 7 tháng 6 năm 2012

Doãn Đoàn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	143.093.774.440	212.495.874.608
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(100.179.528.745)	(125.483.795.358)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.335.661.868)	(32.432.925.643)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(14.709.600)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	05	(1.416.792.689)	(1.064.181.874)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	27.455.592.771	61.383.929.405
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(58.084.092.499)	(117.397.300.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.481.418.190)	(2.498.399.017)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(479.112.144)	(3.439.595.080)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	568.650.000	280.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(36.910.312.334)	2.008.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.046.609.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.011.588.357	2.544.968.369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.237.422.879	1.393.373.289
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	359.978.000	1.609.400.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(182.000.000)	(865.400.000)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(16.851.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	177.978.000	727.149.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8.066.017.311)	(377.876.728)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.557.900.791	18.935.777.519
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	35.978.024	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.527.861.504	18.557.900.791


Nguyễn Vũ Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 7 tháng 6 năm 2012


Doãn Đoàn
Kế toán trưởng

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 11/2004/QĐ-BXD ngày 11 tháng 05 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 2 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 26 tháng 05 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 là 12.638.217.025 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 91 Phùng Hưng, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Tổng số cán bộ công nhân Công ty tại ngày 31/12/2011 là 476 người (tại ngày 31/12/2010 là 553).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng;
- Thăm dò và khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước);
- Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng, các công trình cấp nước, đường dây và trạm điện;
- Thiết kế và xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Gia công, sửa chữa thiết bị, sản xuất và kinh doanh vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh khai thác bến bãi đỗ xe;
- Khoan phun gia cố, xử lý chống thấm các công trình thủy lợi, thủy điện;
- In các ấn phẩm phục vụ cho việc sản xuất, kinh doanh của Công ty (không bao gồm hoạt động xuất bản);

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3-5
Phương tiện vận tải	5-6

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng; ... và các doanh thu khác.

Doanh thu được ghi nhận căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc theo tiến độ thanh toán và yêu cầu xuất hóa đơn của chủ đầu tư.

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10: “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Quy định tại Chuẩn mực nói trên của Bộ Tài chính có sự khác biệt căn bản với những hướng dẫn hiện hành của Thông tư số 201/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với phần thu nhập của hoạt động chịu thuế, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	776.549.508	8.757.766.385
Tiền gửi ngân hàng	9.751.311.996	9.800.224.406
Cộng	10.527.861.504	18.557.990.791

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	36.910.312.334	37.046.609.000
Cộng	36.910.312.334	37.046.609.000

3. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	853.360.560	835.357.801
Công cụ, dụng cụ	909.331.455	939.184.486
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	65.810.843.886	41.519.047.784
Cộng	67.573.535.901	43.293.590.071
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	67.573.535.901	43.293.590.071

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	10.006.042.604	5.500.286.398
Cộng	10.006.042.604	5.500.286.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vật tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	10.137.907.196	39.805.727.063	11.048.590.217	60.992.224.476
Mua trong năm	-	3.642.466.529	-	3.642.466.529
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.569.705.895)	(710.742.000)	(3.280.447.895)
Tăng khác	-	122.320.352	-	122.320.352
Tại ngày 31/12/2011	10.137.907.196	41.000.808.049	10.337.848.217	61.476.563.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	6.344.085.190	29.086.755.870	5.993.153.536	41.423.994.596
Khấu hao trong năm	90.633.616	1.406.371.338	1.265.535.167	2.762.540.121
Thanh lý, nhượng bán	-	(519.705.895)	(710.742.000)	(1.230.447.895)
Tăng khác	-	105.187.003	-	105.187.003
Tại ngày 31/12/2011	6.434.718.806	30.078.608.316	6.547.946.703	43.061.273.825
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2011	3.793.822.006	10.718.971.193	5.055.436.681	19.568.229.880
Tại ngày 31/12/2011	3.703.188.390	10.922.199.733	3.789.901.514	18.415.289.637

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công trình cải tạo trụ sở Công ty	2.967.184.944	2.249.034.490
Cộng	2.967.184.944	2.249.034.490

7. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama Land	750.000.000	750.000.000
Cộng	750.000.000	750.000.000

8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay cá nhân	845.978.000	768.000.000
Cộng	845.978.000	768.000.000

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.240.525.696	1.182.841.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp	855.683.292	1.206.775.672
Thuế thu nhập cá nhân	37.145.189	360.615.351
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	690.818.052	77.862.731
Các khoản chi phí, lệ phí phải nộp khác	954.147	354.147
Cộng	2.825.126.376	2.828.449.710

10. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí trích trước cho các công trình	34.159.702.914	33.917.073.773
Cộng	34.159.702.914	33.917.073.773

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	806.689.755	207.941.177
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	187.532.612	843.620.685
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	179.694.150	264.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.963.489.279	31.674.437.919
Cộng	38.137.405.796	32.990.599.781

12. Vốn chủ sở hữu**a/Chi tiết Vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước	12.638.217.025	100%	12.638.217.025	12.638.217.025
Cộng	12.638.217.025	100%	12.638.217.025	12.638.217.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****12. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	12.638.217.025	14.406.265.220	-	2.132.927.968	-	-	29.177.410.213
Tăng trong năm	-	3.008.532.162	1.203.412.865	445.708.469	283.488.304	4.459.217.250	9.400.359.050
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	4.459.217.250	4.459.217.250
Trích lập từ lợi nhuận	-	1.805.119.297	1.203.412.865	445.708.469	200.568.811	-	3.654.809.442
Tăng từ quỹ đầu tư phát triển	-	1.203.412.865	-	-	-	-	1.203.412.865
Tăng khác	-	-	-	-	82.919.493	-	82.919.493
Giảm trong năm	-	-	1.203.412.865	-	-	4.459.217.250	5.662.630.115
Giảm do trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	2.654.097.953	2.654.097.953
Giảm do tăng vốn trong năm	-	-	1.203.412.865	-	-	1.805.119.297	3.008.532.162
Tại ngày 31/12/2010	12.638.217.025	17.414.797.382	-	2.578.636.437	283.488.304	-	32.915.139.148
Tăng trong năm	-	1.398.395.572	-	319.550.150	100.000.000	3.204.496.007	5.022.441.729
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	3.204.496.007	3.204.496.007
Trích lập từ lợi nhuận	-	1.398.395.572	-	319.550.150	100.000.000	-	1.817.945.722
Giảm trong năm	-	1.055.621.137	-	-	100.568.811	3.204.496.007	4.360.685.955
Giảm do trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.787.032.885	1.787.032.885
Giảm do tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	1.398.395.572	1.398.395.572
Giảm khác	-	1.055.621.137	-	-	100.568.811	19.067.550	1.175.257.498
Tại ngày 31/12/2011	12.638.217.025	17.757.571.817	-	2.898.186.587	282.919.493	-	33.576.894.922

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	136.697.138.959	191.572.332.744
Cộng	136.697.138.959	191.572.332.744

2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	127.983.641.544	170.985.184.327
Cộng	127.983.641.544	170.985.184.327

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi	7.011.588.357	2.611.344.304
Doanh thu tài chính khác	35.978.024	23.625.000
Cộng	7.047.566.381	2.634.969.304

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	4.260.668.668	5.937.748.000
Trừ:	35.978.024	23.625.000
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>35.978.024</i>	<i>23.625.000</i>
Thu nhập chịu thuế	4.224.690.644	5.914.123.000
Trừ: Chuyển lỗ từ các năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	4.224.690.644	5.914.123.000
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.056.172.661	1.478.530.750

VII CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu khách hàng			
CTCP Tư vấn Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	Cùng Tổng Công ty	503.563.650	503.563.650

Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Mua hàng			
CTCP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam-VCC	Cùng Tổng Công ty	-	1.000.000.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Công nợ tiềm tàng

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty đã tuân thủ theo các quy định hiện hành về thuế và hầu hết các khoản chi phí được ghi nhận đều là các chi phí hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, dự phòng thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản nghĩa vụ phát sinh về các loại thuế khác được xác định là không trọng yếu. Tuy nhiên, dựa trên kết quả kiểm tra của cơ quan thuế, việc phát sinh thêm các khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế phải nộp khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là vẫn có thể xảy ra.

4. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm là số liệu được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Nguyễn Vũ Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 6 năm 2012

Đoàn Đoàn
Kế toán trưởng
